

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2020

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Trịnh Phước Đức

2/. Ông Nguyễn Phước Lộc

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung, Thư ký tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 294/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28 /2020/QĐST- HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hồng Thị N**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp L, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp L, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nguyên đơn chị Hồng Thị

N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu thương nhau và chung sống chồng, vợ với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 10 năm 2002, tại Ủy Ban nhân dân xã C. Sau khi cưới chị và anh Q sống chung tại gia đình cha, mẹ ruột chị, cuộc sống chung giữa vợ chồng hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2009, chị đang nuôi dưỡng. Đầu năm 2018, thì anh Q thường xuyên cờ bạc, rượu chè về kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập chị. Anh Q sống không chung thủy với chị, không quan tâm đến vợ con. Vì tương lai của con nên chị đã cố chịu đựng nhưng anh Q vẫn tính nào tật nấy không thay đổi mà lần sâu hơn làm cho vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân nhau đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, anh Q muốn cho con bao nhiêu tùy anh Q.

Về tài sản chung: Chị N xác nhận không có.

Về nợ chung: Chị cam không nợ ai.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn Q tại biên bản ghi lời khai ngày 26/02/2020 trình bày: Về điều kiện kết hôn, con chung chị N trình bày là đúng. Riêng tài sản chung cha vợ có cho chung vợ chồng diện tích đất khoảng 1.000m², việc tặng cho không có giấy tờ. Năm 2018, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N sống không chung thủy với anh. Từ đó, vợ chồng có lời qua, tiếng lại rồi đánh nhau và sống ly thân nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không chấp nhận. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia diện tích đất khoảng 1.000m² tạm tính là 10 tỷ đồng. Anh đồng ý giao đất cho chị N sử dụng, chị N có nghĩa vụ giao giá trị chênh lệch cho anh 05 tỷ đồng.

Về con chung: Nếu con theo anh thì anh nuôi dưỡng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp cả 02 con theo chị N thì anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000 đồng/ 02con.

Tại phiên Tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn còn vi phạm về thời hạn chuẩn xét xử và thời hạn thụ lý

vụ án, nhưng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên kiến nghị rút kinh nghiệm chung.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 9 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồng Thị N.

Về con chung: Căn cứ Điều 9 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Tuyên xử giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/6/2003 và cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 25/7/2009 cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ lời khai của anh Q ngày 26/02/2020 (BL số 23) thì anh Q đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000 đồng /02 con cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh Q.

Về nợ chung: Chị N và anh Q xác nhận không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị N xác nhận không có. Anh Q yêu cầu được chia tài sản chung giữa vợ chồng là đất có giá trị 10 tỷ đồng. Nhưng từ khi Tòa án thông báo số 02/TB-YCPT ngày 26/02/2020, yêu cầu anh Q làm đơn yêu cầu phân tố và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu phân chia tài sản chung thì đến nay anh Q vẫn không thực hiện. Do đó, không có cơ sở để xem xét yêu cầu phân chia tài sản chung của anh Q trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của chị Hồng Thị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có địa chỉ thường trú tại tổ 5, ấp L, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Chị Hồng Thị N và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống chồng, vợ với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã C vào ngày 20 tháng 10 năm 2002 theo quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Sau khi kết hôn, theo lời khai của chị N thì chị và anh Q chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Q cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến vợ con nên vợ, chồng thường xuyên cự cãi, đánh đập nhau và sống ly thân nhau. Qua xác minh chính quyền địa phương và chị Hồng Thị B (chị ruột chị N) cũng đã xác nhận anh Q cờ bạc (đá gà) không lo làm ăn.

Xét thấy, chị N và anh Q thường xuyên đánh đập nhau và sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Hai người sống bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc cho nhau thời gian dài chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn anh Q. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị N được ly hôn anh Q.

[4]. Xét về con chung: Cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/6/2003 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 25/7/2009, các cháu có nguyện vọng ở với chị N. Từ ngày ly thân đến nay các cháu được chị N nuôi dưỡng chu toàn về mọi mặt nên giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Q ngày 26/02/2020 (BL số 23) thì anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 3.000.000 đồng /02 con cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh Q.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh Q cam kết không nợ ai.

[7] Về tài sản chung: Tại biên bản ghi lời khai của chị Hồng Thị N ngày ngày 04/9/2020 (BL số 22) chị N xác nhận không có tài sản chung. Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn Q ngày 26/02/2020 (BL số 23) thì anh Q cho rằng cha vợ có cho khoảng 1.000m² đất tọa lạc tại ấp L, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, việc tặng cho này

không có giấy tờ. Anh Q tự tạm tính giá trị 1.000m² đất là 10 tỷ đồng, anh Q yêu cầu được chia đôi. Ngày 26/02/2020, Tòa án thông báo số 02/TB-YCPT ngày 26/02/2020, yêu cầu anh Q làm đơn yêu cầu phản tố và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho yêu cầu phân chia tài sản chung thì đến nay anh Q vẫn không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Nếu anh Q có yêu cầu thì khởi kiện thành vụ án khác.

[8]. Về án phí: Chị Hồng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 17/6/2003 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 25/7/2009 cho chị Hồng Thị N tiếp tục nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của các cháu) đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn Q có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Văn Q cùng chị Hồng Thị N mỗi tháng 3.000.000 đồng /02 con cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

4. Về nợ chung: Chị N và anh Q cam kết không nợ ai.

5. Về tài sản chung: Tại biên bản ghi lời khai chị N xác nhận không có tài sản chung. Tại biên bản lấy lời khai của anh Q thì anh Q cho rằng cha vợ có cho khoảng 1.000m² đất tọa lạc tại ấp L, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Việc tặng cho này không có giấy tờ. Anh Q tự tạm tính giá trị 1.000m² đất là 10 tỷ đồng, anh yêu cầu được

chia đôi. Ngày 26/02/2020, Tòa án thông báo về việc làm đơn yêu cầu phản tố và cung cấp chứng cứ nhưng anh Q không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu anh Q có yêu cầu thì khởi kiện thành vụ án khác.

6. Về án phí: Chị Hồng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0006633 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, chị N được hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn Q và chị Hồng Thị N thỏa thuận mức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa, cho nên anh Nguyễn Văn Q là người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể ngày từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- CCTHA dân sự huyện Phú Quốc;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

HỒ VĂN BÌNH